

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 4954-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:
Tên văn bằng : **Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**
Tên chương trình : **Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**
Mã số : **7310202**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước nhằm đào tạo cán bộ, giảng viên làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại các cơ sở giáo dục đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu, các trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị quận, huyện trong hệ thống trường đảng, các trường trong lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu của xã hội, của các nhà tuyển dụng; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có phương pháp, kỹ năng sư phạm để truyền đạt những kiến thức về Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước cho người học; có khả năng phát triển lên trình độ cao hơn về lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời am hiểu các khoa học xã hội và nhân văn.

Kiến thức cơ sở ngành: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Khoa học lãnh đạo; Nhà nước và pháp luật; Quan hệ quốc tế; Truyền thông và vận động;... có khả năng vận dụng vào công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Kiến thức ngành: Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng của hệ tư tưởng: Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các hoạt động xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị,

tư tưởng, tổ chức và đạo đức), công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác tư tưởng và dân vận của Đảng... Trang bị cho người học những kiến thức về xây dựng Chính quyền nhà nước: Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu, Các ngành luật cơ bản của Việt Nam, Lý luận hành chính nhà nước; Kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực nhà nước.

Kiến thức chuyên ngành: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và cập nhật về chuyên ngành Giảng viên xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, gồm: Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, giao tiếp sư phạm, Thực hành phương pháp giảng dạy xây dựng Đảng, Thực hành phương pháp giảng dạy xây dựng Chính quyền nhà nước... Từ đó, người học có thể vận dụng những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo để tìm hiểu và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Bên cạnh đó, người học có kiến thức, năng lực và phương pháp đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, đi ngược lợi ích dân tộc, đối lập với hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng gắn với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

+ Kỹ năng theo khối kiến thức cơ sở ngành: Có kỹ năng và năng lực tư duy lý luận về chính trị; kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng nghiên cứu, phân tích những vấn đề về Khoa học lãnh đạo, Nhà nước và pháp luật, Quan hệ quốc tế; Truyền thông và vận động...

+ Kỹ năng theo khối kiến thức ngành: Có kỹ năng tìm kiếm và cập nhật kiến thức, thực tiễn xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề liên quan đến lĩnh vực XDD&CQNN; kỹ năng xây dựng, phân tích, thực hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, đánh giá tác động của đường lối, chính sách đến đời sống xã hội.

+ Kỹ năng theo khối kiến thức chuyên ngành:

Có các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức hoạt động dạy học và truyền đạt, trao đổi kiến thức cho học viên, sinh viên: kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học các học phần liên quan đến chuyên ngành được đào tạo (phân tích chương trình, thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên), kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục (giáo dục đạo đức qua môn học và qua các hoạt động giáo dục, chủ nhiệm lớp, công tác đoàn, tổ chức hoạt động tập thể cho học viên, sinh viên);

Có kỹ năng sư phạm, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học;

Có năng lực độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

- Kỹ năng khác: làm việc nhóm, giao tiếp, giao tiếp bằng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn...

1.2.3. Phẩm chất chính trị, đạo đức

- Phẩm chất chính trị: Tuyệt đối trung thành chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang, dao động trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ. Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có dũng khí đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Trung thực, thẳng thắn, có lối sống trong sáng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi với quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, tâm huyết, yêu nghề, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, nghiên cứu.

- Phẩm chất đạo đức xã hội: nhân ái, vị tha, bao dung, gần gũi, gắn bó mật thiết với Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Người học sau khi tốt nghiệp có thể nghiên cứu, giảng dạy xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, quản lý nhà nước, giảng dạy lý luận chính trị trong các cơ sở giáo dục đại học, các trường trong lực lượng vũ trang, các viện, trung tâm nghiên cứu trong hệ thống trường Đảng, các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân trong các trường phổ thông trung học...

- Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác tham mưu, tổng hợp tại các ban đảng, các cơ quan chuyên môn từ Trung ương đến cơ sở; làm công tác tổ chức, cán bộ, hành chính, văn phòng, làm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; công tác đảng, công tác quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung)

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 3/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.2.6. Trình độ Tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ A, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. Căn cứ xây dựng chương trình

2.1. Căn cứ thực tiễn

2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 3092/QĐ-HVCTQG ngày 24/7/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

- Chương trình đào tạo Cử nhân chính trị chuyên ngành Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận của Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2017.

- Chương trình đào tạo Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng và văn hóa, Chính trị phát triển, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước (năm 2016) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền...

2.1.2. Kết quả khảo sát

*** Khảo sát nhu cầu xã hội**

Đầu năm 2018, khoa Xây dựng Đảng đã tiến hành khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, các cơ sở liên kết đào tạo, các nhà tuyển dụng (Viện nghiên cứu, các trường đại học, trường chính trị tỉnh, thành phố; cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp) về nhu cầu nhân lực ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước bằng hình thức phỏng vấn. Kết quả các cuộc phỏng vấn cho thấy, 100% ý kiến cho rằng: nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước rất lớn, việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước là cần thiết, đáp ứng yêu cầu của xã hội và các cơ quan, đơn vị tuyển dụng.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

2.2. Các văn bản pháp lý

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

3. Chuẩn đầu ra chương trình

3. Chuẩn đầu ra chương trình

3.1. Về kiến thức

Kiến thức đại cương

CDR1: Hiểu, nắm vững và vận dụng được kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có lập trường chính trị vững vàng.

CDR 2. Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị học, pháp luật, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, tâm lý..

CDR 3. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong học tập và nghiên cứu.

Kiến thức cơ sở ngành

CDR 4: Phân tích được các nội dung trong khoa học lãnh đạo: Quan niệm, bản chất của khoa học lãnh đạo, mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng lãnh đạo, các nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo, khoa học về sử dụng con người và nghệ thuật thương thuyết, nghệ thuật lãnh đạo.

CDR 5: Vận dụng sáng tạo các vấn đề mang tính chất nguyên lý về nhà nước pháp quyền XHCN; tổ chức phân công thực hiện quyền lực trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; xây dựng và thực hiện pháp luật trong điều kiện hiện nay.

CDR 6: Phân tích được các vấn đề về quan hệ quốc tế và mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế.

CDR 7: Phân tích được các lý thuyết truyền thông, những vấn đề có tính quy tắc và các yếu tố cấu thành hoạt động vận động và truyền thông thay đổi hành vi.

CDR 8: Phân tích được những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của các đảng chính trị ở một số nước trên thế giới; Khoa học tổ chức; Quản lý kinh tế; Địa chính trị thế giới, Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam.

Kiến thức ngành

CDR 9: Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

CDR 10: Xác định được các nguyên tắc, nội dung, phương thức xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức; về hệ thống tổ chức của Đảng; mục tiêu, quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; phương châm, nguyên tắc công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

CDR 11: Vận dụng được các chế định cơ bản của một số ngành luật, bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Dân sự & Tố tụng dân sự, Luật Hành chính và Tố tụng Hành chính, Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, Luật Kinh tế

CDR 12: Xác định được nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực trọng yếu: Kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, hành chính tư pháp

CDR 13: Phân tích được cấu trúc, đặc điểm, vai trò, chức năng của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị; nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với HTCT và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội

CDR 14: Xác định được nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, giám sát của Đảng, kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực nhà nước; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ chức đảng; thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng

CDR 15: Xác định được nội dung, phương thức công tác dân vận, công tác tư tưởng của Đảng và phương hướng, giải pháp tăng cường công tác dân vận, công tác tư tưởng của Đảng.

CDR 16: Xác định được các yếu tố cơ bản cấu thành nền hành chính nhà nước; quá trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định hành chính nhà nước; sự cần thiết về kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước; chủ trương, quan điểm của Đảng và nội dung, chương trình cải cách hành chính nhà nước Việt Nam giai đoạn hiện nay.

CDR 17: Phân tích được nội dung, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý và phát triển nguồn nhân lực hành chính.

CDR 18: Xác định được bản chất, phương thức tổ chức, cơ chế vận hành và thực thi của quyền lực chính trị; có khả năng nhận biết, phân tích được các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại.

CDR 19: Xác định được các nguyên tắc, công cụ, phương pháp xây dựng quan hệ quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý xã hội.

CDR 20: Phân tích được đặc điểm, nội dung của từng giai đoạn trong quy trình chính sách và phân tích chính sách công ở Việt Nam hiện nay.

CDR 21: Vận dụng được những kiến thức, phương pháp nghiên cứu DLXH vào thực tiễn, cụ thể như: các phương pháp nghiên cứu DLXH, tiến trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật xây dựng công cụ hỗ trợ quá trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật phân tích, trình bày dữ liệu, số liệu nghiên cứu cũng như ứng dụng cụ thể kết quả nghiên cứu DLXH trong lãnh đạo, quản lý.

Kiến thức chuyên ngành

CDR 22: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trong nghiên cứu.

CDR 23: Phân tích được ưu nhược điểm của các phương pháp giảng dạy.

CDR 24: Phân tích được các đặc điểm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng của giao tiếp sư phạm.

CDR 25: Xác định được cách thức soạn thảo các văn bản Đảng và văn bản hành chính nhà nước; các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước vào thực tiễn.

CDR 26: Phân tích, đánh giá nội dung, quy trình về công tác tổ chức, cán bộ; nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

CDR 27: Vận dụng các kỹ năng của nghệ thuật phát biểu miệng; nguyên tắc, quy trình quản lý rủi ro trong tổ chức sự kiện...

3.2. Về kỹ năng

Kỹ năng chung

CDR 28. Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: có khả năng thu thập và xử lý thông tin, diễn giải, phân tích, suy luận, đánh giá, giải thích, đưa ra nhận định và kết luận

CDR 29. Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án giải quyết, lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết tình huống.

CDR 30. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nụ cười biểu cảm...) và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

CDR 31. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

CDR 32. Kỹ năng sử dụng CNTT trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

CDR 33: Kỹ năng triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

CDR 34: Kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức hoạt động dạy học và truyền đạt, trao đổi kiến thức cho sinh viên: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng sử dụng các phương pháp sư phạm trong hoạt dạy học.

CDR 35: Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm cụ thể nhằm tổ chức thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả.

CDR 36. Kỹ năng sử dụng công cụ, phương tiện CNTT trong nghiên cứu và giảng dạy XDD&CQNN.

CDR 37. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn để có thể nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng nước ngoài và tham gia viết báo, tạp chí, tham luận hội thảo quốc tế.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR 38. Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

CDR 39. Năng lực tư duy, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

CDR 40. Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

CDR 41. Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

CDR 42. Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa kể Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

6. Đối tượng tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, chuyên ngành Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

8. Cách thức đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy

định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

9. Nội dung chương trình:

9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	45 tín chỉ
- Khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	15 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	3 tín chỉ
- Ngoại ngữ	12 tín chỉ
Giáo dục thể chất và quốc phòng (12 tín chỉ)	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	36 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>27 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>9/27 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành giảng viên XDĐ&CQNN, kiến tập, thực tập, khóa luận/học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	31 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>25 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
Tổng	130 tín chỉ

9.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương				45	
1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh				15	
1	TM01001	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	4,0 (3,0:1,0)	
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	3,0 (2,0:1,0)	
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	3,0 (2,0:1,0)	
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	

1.2. Khoa học xã hội và nhân văn				15	
Bắt buộc				9	
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội	2,0 (1,5:0,5)	TM01001 KT01001 CN01001
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
Tự chọn				6/18	
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
11	TM01003	Đạo đức học	Nội dung học phần gồm quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.	2,0 (1,5:0,5)	

12	TM01007	Lôgic học	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
13	TG01003	Lý luận dạy học đại học	Nội dung học phần gồm: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Sinh viên thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.	2,0 (1,5:0,5)	
14	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.	2,0 (1,5:0,5)	
15	TG01006	Tâm lý học đại cương	Những kiến thức cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người, quy luật và các cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí của cá nhân; khái niệm nhân cách, các thành tố trong cấu trúc nhân cách và con đường hình thành và phát triển nhân cách.	2,0 (1,5:0,5)	
16	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
17	QQ01002	Quan hệ công chúng	Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng lập kế hoạch, xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, kỹ năng vận dụng công cụ quan hệ công chúng vào các lĩnh vực chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	2,0 (1,5:0,5)	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa	2,0 (1,5:0,5)	

			học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		
1.3. Tin học				3	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn học Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)				12/24	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp(Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
24	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập,	4,0 (2,0:2,0)	

			gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.		
25	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				18	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
26	XD01004	Khoa học lãnh đạo	Nội dung học phần gồm: lược sử lãnh đạo; bản chất của hoạt động lãnh đạo; mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng lãnh đạo; các nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo; quy trình ban hành quyết sách và chấp hành quyết sách; khoa học về sử dụng con người và tư tưởng Hồ Chí Minh về dùng người; nghệ thuật thương thuyết, nghệ thuật lãnh đạo, rèn luyện phẩm chất và tác phong lãnh đạo, phương pháp đánh giá hiệu quả lãnh đạo.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001
27	NP02001	Nhà nước và pháp luật	Bao gồm các vấn đề mang tính chất nguyên lý về nhà nước và pháp quyền XHCN; Mô hình tổ chức cũng như phương thức thực hiện quyền lực trong xây dựng nhà nước pháp quyền CHXHCN Việt Nam; Xây dựng và thực hiện pháp luật trong điều kiện hiện nay.	3(2,0:1,0)	NP01001 CT01001
28	QT02001	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế trong đó có UN, ASEAN; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
29	TT02353	Truyền thông và vận động	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông bao gồm: khái niệm, các lý thuyết truyền thông, mô hình truyền thông, các yếu tố cấu thành hoạt động truyền thông, khái niệm và bản chất của vận động; truyền thông thay đổi hành vi; phương pháp xây dựng, duy trì và thực hiện kế hoạch truyền thông và vận động.	3,0 (2,0:1,0)	

<i>Tự chọn</i>			6/18		
30	XD02303	Các đảng chính trị trên thế giới	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và điều kiện để đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền; tổ chức và hoạt động của một số đảng chính trị trên thế giới ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Singapore.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001
31	XD02403	Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung học phần gồm: quá trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ta ra đời cho đến nay (quá trình xây dựng nội bộ Đảng gồm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; các mặt công tác của Đảng như công tác dân vận, công tác kiểm tra, giám sát; các bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng).	3,0 (2,0; 1,0)	XD01001 XD02303 XD02402
32	KT02001	Quản lý kinh tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và khoa học quản lý kinh tế; chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế; công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định quản lý kinh tế; làm cơ sở cho việc nắm bắt, đánh giá và giải quyết các vấn đề của thực tiễn quản lý kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
33	XD02401	Khoa học tổ chức	Nội dung học phần gồm: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học tổ chức xây dựng Đảng; các học thuyết chủ yếu về tổ chức; những quy luật cơ bản của tổ chức; hoạt động, cơ cấu, thiết kế tổ chức và sử dụng con người trong tổ chức; vận dụng khoa học tổ chức trong xây dựng Đảng về tổ chức.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001 XD02303 XD02403
34	NP02002	Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam	Bao gồm những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương; hệ thống pháp luật của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	NP01001 XD02403
35	QT02560	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa- chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa – chính trị Việt Nam; Địa- chính trị của biển và địa – chính trị biển Đông.	3,0 (2,0:1,0)	
2.2. Kiến thức ngành				36	
<i>Bắt buộc</i>				27	

36	XD02402	Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm những vấn đề lý luận nền tảng cơ bản: tư tưởng C.Mác và Ph.Ăngghen về xây dựng chính đảng độc lập của giai cấp công nhân; học thuyết của V.I.Lênin về Đảng kiểu mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay; giới thiệu một số tác phẩm kinh điển tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng.	3,0 (2,0;1,0)	XD01001 XD02303
37	XD02404	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức	Nội dung học phần gồm: các khái niệm cơ bản, vai trò, nội dung, nguyên tắc xây dựng Đảng về chính trị; nội dung, phương thức xây dựng Đảng về tư tưởng, về đạo đức; các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên	4,0 (3,0; 1,0)	XD01001 XD02403 XD02402
38	XD02405	Xây dựng Đảng về tổ chức	Nội dung học phần gồm: vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của xây dựng Đảng về tổ chức; về khái niệm, đặc điểm, việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; khái niệm, vị trí, vai trò, mục tiêu, quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng như khái niệm, vị trí, phương châm, nguyên tắc... công tác bảo vệ chính trị nội bộ.	3,0 (2,0;1,0)	XD02402
39	XD02406	Thực tế chính trị - xã hội	Tổ chức cho sinh viên thành các đoàn thâm nhập thực tế chính trị - xã hội ở địa phương: làm việc, nghe báo cáo của các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, tham gia lao động, sản xuất với nhân dân địa phương; tuyên truyền đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân địa phương, vận động nhân dân; phối hợp với Đoàn TNCS HCM và các đoàn thể địa phương tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ; viết báo cáo thu hoạch thực tế chính trị - xã hội.	2,0 (0,5; 1,5)	XD02405
40	XD03318	Các ngành luật cơ bản của Việt Nam	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đối tượng nghiên cứu, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, các chế định cơ bản và liên hệ thực hiện trong thực tế của các ngành luật Hiến pháp; ngành luật Dân sự & tố tụng dân sự; ngành luật Hành chính và tố tụng Hành chính; ngành luật Hình sự và Tố tụng hình sự; ngành luật Kinh tế.	3,0 (2,0;1,0)	NP02001
41	XD02407	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu	Nội dung học phần gồm: khái niệm, vai trò quản lý nhà nước; nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước, vấn đề thực tiễn đặt ra và các giải pháp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, hành chính tư pháp.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001

42	XD02408	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội	Nội dung học phần gồm: khái niệm, cấu trúc, đặc điểm, vai trò, chức năng của các tổ chức thành viên HTCT; nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức thành viên của HTCT (Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp, Mặt trận TQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội); nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế; văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo; khoa học- công nghệ; quốc phòng-an ninh; đối ngoại và báo chí.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02402
43	XD02409	Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	Nội dung học phần gồm: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật đảng; khái niệm, vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, của cấp ủy đảng, của ủy ban kiểm tra các cấp; nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ chức đảng; thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02405
44	XD02410	Công tác tư tưởng và dân vận của Đảng	Nội dung học phần gồm: những vấn đề cơ bản về công tác tư tưởng của Đảng (khái niệm, vai trò, nội dung, hình thức, nguyên tắc, phương châm, đấu tranh tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch); những vấn đề cơ bản về công tác dân vận của Đảng (khái niệm, vai trò, nội dung, phương thức công tác dân vận của Đảng; công tác vận động công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tín đồ chức sắc tôn giáo của Đảng; tổ chức bộ máy của ban dân vận cấp ủy các cấp)	3,0 (2,0; 1,0)	XD02402
<i>Tự chọn</i>				9/27	
45	XD03316	Lý luận hành chính nhà nước	Nội dung học phần gồm: khái niệm, bản chất, đặc điểm, chức năng và phương pháp hành chính nhà nước Việt Nam; các yếu tố cơ bản cấu thành nền hành chính nhà nước; quá trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định hành chính nhà nước; sự cần thiết về kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước; chủ trương, quan điểm của Đảng và nội dung, chương trình cải cách hành chính nhà nước Việt Nam giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0;1,0)	NP02001
46	XD02411	Kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực nhà nước	Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam theo nguyên tắc có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước giữa hệ thống tổ chức các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc Hội, Hội đồng nhân dân), cơ quan hành pháp (Chính phủ, Ủy ban nhân dân), Chủ tịch nước, cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân), Viện kiểm sát nhân dân.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001
47	XD02419	Quản lý và phát triển	Nội dung học phần gồm: khái niệm, bản chất, vai trò, nội dung, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý và phát triển nguồn nhân lực hành chính; lập kế hoạch,	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001

		nguồn nhân lực hành chính	tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực hành chính; quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức.		
48	CT02053	Quyền lực chính trị	Trang bị cho người học những tri thức, những qui luật, tính qui luật giành, giữ, tổ chức, thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị, tập trung ở quyền lực nhà nước. Trên cơ sở đó giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về bản chất quyền lực chính trị, phương thức tổ chức, cơ chế vận hành và thực thi của quyền lực chính trị; có khả năng nhận biết, phân tích những hiện tượng, quá trình chính trị.	3,0 (2,0;1,0)	
49	NP02014	Khoa học quản lý	Bao gồm hệ thống tri thức cơ bản, khái quát về các quy luật, các nguyên tắc, chức năng, công cụ, phương pháp xây dựng quan hệ quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý xã hội.	3,0 (2,0;1,0)	NP02001
50	CT02059	Khoa học chính sách công	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách công và quy trình chính sách công, giúp sinh viên hiểu được đặc điểm và nội dung của từng giai đoạn trong quy trình chính sách và thực tế chính sách công ở Việt Nam hiện nay, vận dụng những kiến thức chung về chính sách công để nhận định thực trạng chính sách công ở Việt Nam hiện nay, rèn luyện năng lực tư duy phân tích, tư duy logic, nhận diện một chính sách công đồng thời biết phân tích, đánh giá ở mức độ đơn giản về các chính sách công trong thực tế.	3,0 (2,5;0,5)	
51	CT02054	Thế chế chính trị thế giới đương đại	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về các loại hình thế chế chính trị thế giới đương đại, kiến thức sâu về những thế chế chính trị điển hình ở một số nước trên thế giới thời kỳ hiện nay.	3,0 (2,0;1,0)	
52	CT03023	Phân tích chính sách	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về phân tích chính sách (từ hệ thống khái niệm đến các kỹ năng và công cụ cũng như kỹ năng tổ chức thực hiện phân tích chính sách công theo quy trình phân tích chuẩn và phương pháp phân tích)	3,0 (2,5;0,5)	
53	XH02065	Nghiên cứu dư luận xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, lý thuyết tiếp cận, đặc điểm, tính chất, chức năng của dư luận xã hội (DLXH), đồng thời đặt trong tâm vào trang bị kiến thức, phương pháp nghiên cứu DLXH, cụ thể như: các phương pháp nghiên cứu DLXH, tiến trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật xây dựng công cụ hỗ trợ quá trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật phân tích, trình bày dữ liệu, số liệu nghiên cứu cũng như ứng dụng cụ thể kết quả nghiên cứu DLXH trong quản lý xã hội.	3,0 (1,5;1,5)	

2.3. Kiến thức chuyên ngành				31	
Bắt buộc				25	
54	XD03341	Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Những vấn đề lý luận chung về phương pháp nghiên cứu XĐĐ&CQNN; phương pháp nghiên cứu đề tài khoa học XĐĐ&CQNN; một số vấn đề lý luận về giảng dạy XĐĐ&CQNN; đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc của giảng dạy XĐĐ&CQNN; nội dung, phương pháp, hình thức giảng dạy XĐĐ&CQNN; các phương pháp tích cực thường dùng trong giảng dạy XĐĐ&CQNN; phẩm chất, năng lực và những hoạt động cơ bản của người giảng viên giảng dạy XĐĐ&CQNN.	3,0 (2,0:1,0)	
55	TG03010	Giao tiếp sư phạm	Những kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm gồm: đặc điểm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng của giao tiếp sư phạm; kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm cụ thể nhằm tổ chức thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả.	3,0 (2,0:1,0)	
56	XD02801	Thực hành phương pháp giảng dạy xây dựng Đảng	Sinh viên soạn giáo án trên phần mềm Word và giáo án điện tử Powerpoint (chọn 1 bài trong cuốn “Nghệ thuật công tác đảng ở cơ sở” trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính); thực hành các phương pháp giảng dạy (phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn đáp, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp chuyên gia, phương pháp bể cá vàng, phương pháp đóng vai, phương pháp trực quan...)	4,0 (1,0; 3,0)	XD03341
57	XD02802	Thực hành phương pháp giảng dạy xây dựng Chính quyền nhà nước	Sinh viên soạn giáo án trên phần mềm Word và giáo án điện tử Powerpoint (chọn 1 bài trong cuốn “Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước” trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính); thực hành các phương pháp giảng dạy (phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn đáp, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp chuyên gia, phương pháp bể cá vàng, phương pháp đóng vai, phương pháp trực quan...)	3,0 (1,0; 2,0)	XD03341
Kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm và khóa luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)					
58	XD02803	Kiến tập sư phạm	Tổ chức cho sinh viên đi kiến tập sư phạm tại các cơ sở đào tạo (các học viện, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước) để sinh viên tiếp xúc, làm quen với công việc của giảng viên (dự giờ, nghe giảng, trực hành chính, soạn giáo án, tìm hiểu tổ chức, hoạt động của đơn vị, tìm hiểu thực tiễn địa phương, cơ sở....)	3,0 (0,5;2,5)	XD03341
59	XD03345	Thực tập sư	Tổ chức cho sinh viên đi thực tập sư phạm tại các cơ sở đào tạo (các học viện, viện	3,0	XD03341

		phạm	nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước) để sinh viên thực tập công việc của giảng viên (dự giờ, nghe giảng, trực giảng, soạn giáo án, thông qua giáo án, tập giảng và giảng trước hội đồng khoa học, giảng thực tế trên lớp, trước học viên; tìm hiểu tổ chức, hoạt động của đơn vị, tìm hiểu thực tiễn địa phương, cơ sở...)	(0,5;2,5)	XD02801 XD02802 XD02803
60	XD04007	Khóa luận tốt nghiệp	Người học biết định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, triển khai thực hiện đề tài gắn liền với thực tiễn dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công hướng dẫn khóa luận; trang bị cho người học phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, thực hiện một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				6	
61	XD03346	Xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Nội dung học phần gồm: quan niệm, dấu hiệu nhận biết; các nguyên tắc và quy trình, phương pháp xử lý tình huống trong XDĐ&CQNN; giới thiệu một số dạng tình huống thường gặp trong các lĩnh vực công tác Đảng, trong quản lý hành chính nhà nước và phương pháp xử lý	3,0 (1,0;2,0)	
62	XD03347	Công tác văn phòng	Nội dung học phần gồm: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy; hiện đại hóa văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản của công tác văn phòng gồm xây dựng chương trình công tác của cấp ủy, công tác thông tin phục vụ cấp ủy, công tác phục vụ các kỳ họp của cấp ủy, công tác lễ tân Nhà nước, công tác soạn thảo văn bản và công tác văn thư, lưu trữ của Đảng, Nhà nước	3,0 (2,0; 1,0)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
63	XD03352	Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ	Nội dung học phần gồm: học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ của Đảng như: Tổ chức và công tác tổ chức của Đảng; cán bộ và công tác cán bộ của Đảng; công tác quy hoạch, luân chuyển, điều động, lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ; quản lý, đánh giá cán bộ; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước.	3,0 (2,0; 1,0)	
64	XD02414	Lãnh đạo và quản lý cấp cơ	Nội dung học phần gồm: Quan niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nội dung và phương thức hoạt động lãnh đạo hoặc quản lý của từng loại chủ thể ở cấp cơ sở (tổ	3,0 (2,0; 1,0)	

		sở	chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức tự quản ở cấp cơ sở và đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở)		
65	TG03011	Kỹ năng dạy học đại học	Nội dung học phần gồm: kỹ năng chuẩn bị bài giảng, kỹ năng thực hiện bài giảng, kỹ năng sử dụng các phương pháp và phương tiện dạy học, kỹ năng kiểm tra, đánh giá nhằm giúp học viên thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao.	3,0 (2,0; 1,0)	
66	XD02804	Xử lý tình huống sư phạm trong giảng dạy Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Nội dung học phần gồm: quan niệm, đặc điểm, dấu hiệu nhận biết; các nguyên tắc và quy trình, phương pháp xử lý tình huống sư phạm trong giảng dạy XDD&CQNN; giới thiệu một số dạng tình huống sư phạm điển hình trong giảng dạy XDD&CQNN với các phương pháp, cách thức xử lý cụ thể.	3,0 (2,0; 1,0)	
67	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng: bao gồm khái niệm, phân loại, cơ sở tâm lý sư phạm của phát biểu miệng; ngôn ngữ phát biểu miệng, các thao tác phân tích, chứng minh trong phát biểu miệng; các bước chuẩn bị và tiến hành phát biểu; phương pháp xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình phát biểu.	3,0 (2,0; 1,0)	
68	QQ03466	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0;2,0)	

9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																											
		Kiến thức																											Kỹ năng										Năng lực tự chủ						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42		
1	TM01001	1																															2				2		2	2	2	2	2		
2	KT01001	1																															2				2		2	2	2	2	2		
3	CN01001	1																															2				2		2	2	2	2	2		
4	LS01001	1																															2				2		2	2	2	2	2		
5	TH01001	1																															2				2		2	2	2	2	2		
6	NP01001		1																														2				2		2	2	2	2	2		
7	CT01001		1																														2				2		2	2	2	2	2		
8	XD01001		1																														2				2		2	2	2	2	2		
9	TG01004			2																														2				2		2	2	2	2	2	
10	TT01002		1																															2				2		2	2	2	2	2	
11	TM01003		1																															2				2		2	2	2	2	2	
12	TM01007		1																															2				2		2	2	2	2	2	
13	TG01003		1																															2				2		2	2	2	2	2	
14	TT01001		1																															2				2		2	2	2	2	2	
15	TG01006		1																															2				2		2	2	2	2	2	
16	ĐC01001		1																															2				2		2	2	2	2	2	
17	QQ01002		1																															2				2		2	2	2	2	2	
18	XH01001		1																															2				2		2	2	2	2	2	
19	ĐC01005																																		2				2		2	2	2	2	2
20	NN01015																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2
21	NN01016																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2
22	NN01017																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2
23	NN01019																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2
24	NN01020																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2
25	NN01021																																		2	2			2	2	2	2	2	2	2

57	XD02802																					2	2	2		2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	
58	XD02803																					2	2	2		2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	
59	XD03345																					2	2	2		2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	
60	XD04007											2										2	2			2	2			2		2	2	2	2	2	2	
61	XD03346												2									2	2			2				2		2	2	2	2	2	2	
62	XD03347													2								2	2	2		2				2		2	2	2	2	2	2	
63	XD03352													2								2	2			2				2		2	2	2	2	2	2	
64	XD02414													2								2	2			2				2		2	2	2	2	2	2	
65	TG03011													2								2	2	2		2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	
66	XD02804													2								2	2	2		2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
67	TT02366																					2	2	2		2				2		2	2	2	2	2	2	2
68	QQ03466																					2	2	2	2	2				2		2	2	2	2	2	2	2

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01001	4.0	*							
2	KT01001	3.0	*							
3	CN01001	3.0	*							
4	LS01001	3.0		*						
5	TH01001	2.0		*						
6	NP01001	3.0			*					
7	CT01001	2.0			*					
8	XD01001	2.0			*					
9	TG01004	2.0		*						
10	TT01002	2.0		*						
11	TM01003	2.0		*						
12	TM01007	2.0		*						
13	TG01003	2.0		*						
14	TT01001	2.0		*						
15	TG01006	2.0		*						
16	ĐC01001	2.0		*						
17	QQ01002	2.0		*						
18	XH01001	2.0		*						
19	ĐC01005	3.0	*							
20	NN01015	4.0	*							
21	NN01016	4.0		*						
22	NN01017	4.0			*					
23	NN01019	4.0	*							
24	NN01020	4.0		*						
25	NN01021	4.0			*					
26	XD01004	3.0			*					
27	NP02001	3.0				*				
28	QT02001	3.0			*					
29	TT02353	3.0				*				
30	XD02303	3.0				*				
31	XD02403	3.0				*				
32	KT02001	3.0				*				
33	XD02401	3.0				*				
34	NP02002	3.0				*				
35	QT02560	3.0				*				
36	XD02402	3.0				*				
37	XD02404	4.0					*			

38	XD02405	3.0					*			
39	XD02406	2.0				*				
40	XD03318	3.0					*			
41	XD02407	3.0					*			
42	XD02408	3.0					*			
43	XD02409	3.0					*			
44	XD02410	3.0							*	
45	XD03316	3.0						*		
46	XD02411	3.0						*		
47	XD02419	3.0						*		
48	CT02053	3.0						*		
49	NP02014	3.0						*		
50	CT02059	3.0						*		
51	CT02054	3.0						*		
52	CT03023	3.0						*		
53	XH02065	3.0						*		
54	XD03341	3.0						*		
55	TG03010	3.0							*	
56	XD02801	4.0							*	
57	XD02802	3.0								*
58	XD02803	3.0						*		
59	XD03345	3.0								*
60	XD04007	6.0								*
61	XD03346	3.0								*
62	XD03347	3.0								*
63	XD03352	3.0							*	
64	XD02414	3.0							*	
65	TG03011	3.0							*	
66	XD02804	3.0							*	
67	TT02366	3.0							*	
68	QQ03466	3.0							*	

10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m² và diện tích

sử dụng là 57.310 m².

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 – 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 – 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo.

Khoa Xây dựng Đảng có các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành liên quan đến ngành XDD&CQNN, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

Về đội ngũ giảng viên:

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành Giảng viên XDD&CQNN của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó Giáo sư, 05 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ – NCS, 02 thạc sĩ cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ XDD&CQNN là giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giảng viên XDD&CQNN là những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, được đào tạo cơ bản, chuyên sâu từ các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong và ngoài nước.

10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã

hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Hội đồng khoa thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng khoa thông qua và xác nhận.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Trương Ngọc Nam